

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số chính sách tài chính đặc thù
đối với công ty nông, lâm nghiệp sau khi hoàn thành sắp xếp, đổi mới**

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 118/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Nghị định số 71/2014/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số chính sách tài chính đặc thù đối với công ty nông, lâm nghiệp sau khi hoàn thành sắp xếp, đổi mới.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số chính sách tài chính đặc thù đối với công ty nông, lâm nghiệp sau khi hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, cụ thể:

- Vốn điều lệ đối với công ty nông, lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với rừng sản xuất là rừng trồng;
- Quản lý thu, chi của nhà trẻ, mẫu giáo, trung tâm y tế cần thiết giữ lại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các công ty nông, lâm nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP.

Điều 3. Vốn điều lệ đối với công ty nông, lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Công ty nông, lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện xác định vốn điều lệ điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ.

2. Nguyên tắc điều chỉnh tăng, hồ sơ và trình tự phê duyệt vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm c, khoản 2, Điều 9 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

3. Phương pháp xác định điều chỉnh tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 9 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP. Đối với một số trường hợp cụ thể, doanh nghiệp xác định điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo quy định sau:

a) Đối với công ty lâm nghiệp quản lý rừng sản xuất là rừng trồng; công ty nông nghiệp trồng cây công nghiệp dài ngày:

$$V_{\text{đl điều chỉnh lại}} = V_{\text{đl đã duyệt}} + \begin{array}{l} \text{Tối đa 50\% tổng nhu cầu vốn} \\ \text{đầu tư, mua sắm hình thành tài} \\ \text{sản phục vụ hoạt động kinh} \\ \text{doanh chính của doanh nghiệp} \end{array} + V_{\text{sxsp-kdhhđv}}$$

Trong đó:

- $V_{\text{đl đã duyệt}}$ là mức vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi điều chỉnh.

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư, mua sắm hình thành tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp xác định theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 9 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

- $V_{\text{sxsp-kdhhđv}}$ là nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa dịch vụ của doanh nghiệp.

Phương pháp xác định như sau:

$$V_{\text{sxsp-lhkd}} = \text{tối đa 50\%} \times \begin{array}{l} \text{Mức chênh lệch tăng giữa tổng nhu cầu vốn sản} \\ \text{xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đến} \\ \text{năm thứ 3 kể từ năm xác định lại mức vốn điều lệ} \\ \text{so với nhu cầu vốn sản xuất sản phẩm, kinh doanh} \\ \text{hàng hóa, dịch vụ thực hiện của năm trước liền kề} \\ \text{năm thực hiện xác định lại mức vốn điều lệ.} \end{array}$$

Mức chênh lệch tăng giữa tổng nhu cầu vốn sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đến năm thứ 3 kể từ năm xác định lại mức vốn điều lệ so với nhu cầu vốn sản xuất sản phẩm, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện

của năm trước liền kề năm xác định lại mức vốn điều lệ được tính toán theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 9 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

b) Đối với công ty nông, lâm nghiệp đã được Chính phủ quy định cơ chế đặc thù về vốn điều lệ thì được tiếp tục áp dụng theo quy định đó.

Điều 4. Trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với rừng sản xuất là rừng trồng

Công ty nông, lâm nghiệp thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đối với rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định sau:

1. Hàng năm vào cuối kỳ kế toán năm, công ty nông, lâm nghiệp thực hiện kiểm kê, đánh giá chất lượng và phân loại rừng sản xuất là rừng trồng theo diện tích, độ tuổi, loại cây làm cơ sở trích lập dự phòng.

2. Thời điểm trích lập dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu trồng rừng. Đối với diện tích rừng đã trồng trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, công ty nông, lâm nghiệp được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm đầu tiên kể từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Mức trích lập dự phòng: Mức trích lập dự phòng tối đa bằng 5% tổng chi phí do công ty lâm nghiệp đã đầu tư để trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng sản xuất là rừng trồng. Mức trích cụ thể và thời gian trích (có thể phân bổ cho nhiều năm) do công ty tự quyết định tùy thuộc vào khả năng tài chính của doanh nghiệp hàng năm, đảm bảo doanh nghiệp không phát sinh lỗ.

Khoản trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

4. Sử dụng nguồn dự phòng: Doanh nghiệp chỉ được sử dụng khoản dự phòng đã trích lập để bù đắp tổn thất xảy ra do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh cho phần diện tích rừng trồng đã trích lập; giá trị tổn thất còn thiếu sau khi bù đắp bằng nguồn dự phòng được hạch toán là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù đắp tổn thất vẫn còn số dư khoản trích lập dự phòng, doanh nghiệp tiếp tục theo dõi và trích lập cho các năm tiếp theo đến thời điểm khai thác rừng sản xuất là rừng trồng.

Khi khai thác diện tích rừng trồng đã trích lập dự phòng, khoản trích lập dự phòng còn lại phải được hoàn nhập hạch toán giảm chi phí sản xuất, kinh doanh.

5. Trường hợp doanh nghiệp đã mua bảo hiểm cho diện tích rừng trồng thì không được trích lập dự phòng. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện trích lập dự phòng trước khi mua bảo hiểm thì không được trích lập tiếp. Khi có tổn thất xảy ra, giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức bảo hiểm, dự phòng (nếu có), phần còn thiếu được hạch toán là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.